

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 196/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thanh Liêm
2. Bà Võ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn ĐL, xã ĐQ, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trần Vũ T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày: Chị với anh Nguyễn Trần Vũ T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn do anh T thường xuyên đi nhậu say xỉn về chửi bới, xúc phạm đến chị, đuổi chị đi nhiều lần, ghen tuông, nghi ngờ chị. Vợ chồng chị đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được, hiện nay chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở ĐL sinh sống còn anh T sống ở T với ba mẹ ruột của anh T, vợ chồng phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn. Do đó, chị

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, cũng không có nợ chung hay nợ riêng và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trần Vũ T không đến tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án và không có ý kiến hay lời trình bày đối với các yêu cầu của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, áp dụng các Điều 28, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trần Vũ T đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị T và anh T: Theo lời khai của chị T thì trong thời gian chung sống vợ chồng chị có quá nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên say xỉn về chửi bới, xúc phạm đến chị, đuổi chị đi nhiều lần, ghen tuông, nghi ngờ chị. Vợ chồng chị đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở, vợ chồng chị phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Đối với anh T, mặc dù đã được Tòa án thông báo nhiều lần nhưng anh vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên họp hòa giải, không có ý kiến, bỏ mặc không quan tâm, xem thường mối quan hệ hôn nhân của anh chị.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều

51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị T khai chị và anh T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản, nợ chung, nợ riêng: Chị T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 28, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Trần Vũ T.

2. Về nuôi con chung: Chị T khai không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung, nợ riêng: Chị T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003380, ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Theo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2018). Anh Thiên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam T;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quân

